

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC

THỨC ĐẨY DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Báo cáo của Bộ Khoa học & Công nghệ

Thực trạng ứng dụng khoa học và công nghệ, công nghệ cao trong doanh nghiệp nông nghiệp; đánh giá chính sách và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ trong nông nghiệp

Nông nghiệp, nông thôn luôn là sự quan tâm hàng đầu của Đảng và nhà nước trong suốt các thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế, Đảng và nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương chính sách nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp.

Đối với các chủ trương chỉ đạo của Đảng về khoa học và công nghệ phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã được quan tâm xuyên suốt trong nhiều năm qua. Cụ thể, từ năm 1966, Ban chấp hành Trung ương khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó đã nhấn mạnh ... "đến năm 2020 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ở các ngành kinh tế trọng điểm như công nghệ sinh học, sản xuất lương thực, chế biến nông-lâm-hải sản... ". Tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương khóa X ban hành về đẩy mạnh hoạt động KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Trong nhiệm vụ và giải pháp, Nghị quyết 26-NQ/TW cũng đã chỉ rõ ... "Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn ...". Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã chỉ rõ "Phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc". Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu Tiếp tục phát triển KH&CN nông nghiệp, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước sản xuất nông nghiệp tiên tiến, sản xuất và xuất khẩu hàng đầu về lúa gạo, thủy sản và sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới".

Bên cạnh đó, tại Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 5/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó đã nêu một số chủ trương, chính sách lớn về khoa học và công nghệ đối với phát triển doanh nghiệp như trong Nghị quyết số 05-NQ/TW có nêu "Ưu tiên phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là khoa học - công nghệ hiện đại, coi đây là yếu tố trọng yếu nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ. Thực hiện cơ chế đối ứng hợp tác công -

tư để doanh nghiệp khai thác có hiệu quả các dự án đổi mới công nghệ, sáng tạo, nghiên cứu và phát triển". Trong Nghị quyết số 06-NQ/TW có nêu "Ưu tiên phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là khoa học - công nghệ hiện đại, coi đây là yếu tố trọng yếu nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế".

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế chính sách tạo hành lang pháp lý thuận lợi để thu hút các nguồn lực đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn, và bước đầu đạt được những thành tựu kết quả có ý nghĩa.

I. Hệ thống chính sách, chương trình, đề án liên quan đến khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng KH&CN trong nông nghiệp, nông thôn

Trong những năm qua, đã có nhiều các chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN đã được Chính phủ ban hành. Đặc biệt từ khi Luật KH&CN năm 2013 có hiệu lực đến nay, Bộ KH&CN đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định hướng dẫn thi hành: Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN và Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN. Hai Nghị định nêu trên cùng với các văn bản hướng dẫn khác đã tạo đủ cơ sở pháp lý khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội của nước ta, trong đó có lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn gồm các nhóm cơ chế, chính sách sau:

1. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Trong hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp mọi thành phần có quyền tham gia bình đẳng như các tổ chức khoa học và công nghệ, trong đó đặc biệt nhấn mạnh:

- Doanh nghiệp ứng dụng thành công thành tựu KH&CN trong sản xuất được ưu tiên xét giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, được quỹ của nhà nước hỗ trợ kinh phí cho hoạt động KH&CN (Khoản 3 Điều 45 Luật KH&CN);

- Sử dụng ngân sách nhà nước cho việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, mua bản quyền công nghệ, thuê chuyên gia, thông tin tuyên truyền, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ... (Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

2. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về thuế, tín dụng và sử dụng đất đai

Các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về thuế, tín dụng và sử dụng đất đai đối với các doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ đã được quy định đầy đủ, cụ thể:

- Doanh nghiệp được ưu đãi về thuế từ thu nhập thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thu nhập từ sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng ở Việt Nam, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn...; được vay vốn trung và dài hạn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, ngân hàng nhà nước bảo lãnh vốn vay, được tài trợ không hoàn lại hoặc vay với lãi suất ưu đãi cho các nhiệm vụ KH&CN tiềm năng, các dự án đầu tư xây dựng tiềm lực KH&CN, các dự án sản xuất thử nghiệm... (Điều 64, 65 Luật KH&CN).

- Doanh nghiệp thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng..., đối với cơ sở ươm tạo công nghệ được miễn thuế sử dụng đất (Điều 44 Luật Chuyển giao công nghệ và Khoản 8 Điều 44 Luật Chuyển giao công nghệ).

- Doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu phát triển, đầu tư vào nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; trồng và bảo vệ rừng; làm muối; khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, được hưởng các ưu đãi về thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất (Mục a, e Khoản 1 Điều 16 và Điều 15 Luật Đầu tư).

3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp liên kết xác định và thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Đây cũng là một trong các điểm mới quy định giành riêng cho các doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể:

- Doanh nghiệp liên kết với các nhà khoa học, các tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước: hỗ trợ đến 30% vốn đầu tư cho dự án của doanh nghiệp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN...; đến 50% vốn đầu tư cho dự án thực hiện ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; đến 50% vốn đầu tư cho dự án thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước (Điều 32 Luật KH&CN và hướng dẫn chi tiết tại Điều 38 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP).

- Lợi nhuận thu được từ việc sử dụng chuyển giao quyền sử dụng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được chia cho tác giả tối thiểu 30%. phần còn lại chia cho chủ sở hữu và cơ quan chủ quản (Điều 43 Luật KH&CN).

- Thu nhập từ chuyển giao công nghệ tạo ra bằng ngân sách nhà nước được phân chia từ 20%-35% cho tập thể, cá nhân tạo ra công nghệ, số còn lại sử dụng 50% đầu tư cho nghiên cứu phát triển công nghệ, 50% cho quỹ phúc lợi, khen thưởng (Điều 42 của Luật Chuyển giao công nghệ).

4. Chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp KH&CN

- Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất, nhập khẩu, được cấp đất và miễn tiền sử dụng đất, được miễn, giảm thuế sử dụng đất đai, được ưu đãi về tín dụng, được cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí cho các dự án KH&CN, được đầu tư một phần hoặc toàn bộ trang thiết bị phục vụ nghiên cứu chuyển giao công nghệ (Điều 12 Luật công nghệ cao).

- Doanh nghiệp KH&CN, ngoài những hỗ trợ đã nêu ở trên, được hưởng các ưu đãi khác về thuế, tín dụng, tiền thuê đất đai, thuế đất, dịch vụ tư vấn, đào tạo các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, được sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia... (Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

5. Chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp hình thành các tổ chức KH&CN để thực hiện các hoạt động KH&CN mang tính chuyên nghiệp, chuyên sâu

- Theo Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2014/NĐ-CP), doanh nghiệp được thành lập các tổ chức KH&CN để thực hiện các hoạt động KH&CN mang tính chuyên nghiệp, chuyên sâu (Điều 3, 5, 7, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23); doanh nghiệp được đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 30, 31); doanh nghiệp được liên kết với các tổ chức, cá nhân để thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Điều 38).

- Tại Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2007/NĐ-CP nêu rõ để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai ứng dụng các kết quả KH&CN vào sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh thương mại hoá các sản phẩm hàng hoá là kết quả của hoạt động KH&CN, phát triển thị trường công nghệ, doanh nghiệp được phép hình thành hoặc chuyển đổi thành doanh nghiệp KH&CN (theo Điều 5, 6, 7, 8 của Nghị định số 80/2007/NĐ-CP).

6. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho phát triển nâng tiềm lực KH&CN, đầu tư hỗ trợ xây mới, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phòng thí nghiệm, trung tâm kiểm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định... các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ... cho các doanh nghiệp là tổ chức KH&CN (Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

- Doanh nghiệp được trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để thành lập quỹ phát triển KH&CN, quỹ được sử dụng để hỗ trợ phát triển KH&CN của doanh nghiệp như xây dựng cơ sở hạ tầng dành cho nghiên cứu, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, mua bản quyền công nghệ, đào tạo, thông tin tuyên truyền... (Điều 8, 9, 10, 11 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

7. Chính sách phát triển thị trường KH&CN

Chính phủ quan tâm thúc đẩy thị trường KH&CN nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh việc đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp và các hình thức khác; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên cơ sở gắn kết chặt chẽ hoạt động KH&CN với sản xuất, kinh doanh thông qua các hoạt động liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp và các tổ chức KH&CN. Doanh nghiệp được khuyến khích thành lập các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN như: cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; Trung tâm, sàn giao dịch công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị; tổ chức dịch vụ đánh giá, định giá, giám định, tư vấn chuyển giao công nghệ; Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ... (Điều 46, 47 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP).

8. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong các đề án, chương trình KH&CN quốc gia

Doanh nghiệp được khuyến khích tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, cụ thể là các đề án, chương trình ví dụ như : Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010); Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 (Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011); Chương trình Quốc gia phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 (Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày

17/12/2012); Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015); Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 (Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015); Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012; Đề án “Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Quyết định số 1931/QĐ-TTg ngày 07/10/2016)...Đáng lưu ý trong số các chương trình khoa học và công nghệ Quốc gia giành riêng cho lĩnh vực nông nghiệp như Chương trình trọng điểm về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020 (Quyết định số 11/2006/QĐ-TTg ngày 12/01/2006); Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong thủy sản đến năm 2020 (Quyết định số 97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007); Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến 2020 (Quyết định số 14/2007/QĐ-TTg ngày 25/01/2007); Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 07/11/2012.

Để thực hiện các Chương trình, đề án, Bộ KH&CN đã phối hợp với các bộ/ngành liên quan xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích đối với các doanh nghiệp nông nghiệp ví dụ doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí mua bản quyền công nghệ, được hỗ trợ đến 100% kinh phí nghiên cứu, 50% kinh phí thực hiện các dự án xuất thử nghiệm (70% đối với vùng đặc biệt khó khăn) và đến 30% kinh phí đầu tư trang thiết bị sản xuất quy mô lớn, khuyến khích doanh nghiệp và nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước để thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm phát triển công nghệ mới, công nghệ cao (Chương trình phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020); nhà nước khuyến khích thúc đẩy sự hợp tác và liên kết giữa giữa doanh nghiệp, tổ chức KH&CN, các cơ sở nghiên cứu nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư trong hoạt động KH&CN...

9. Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và việc hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động khoa học công nghệ (Quyết định số 1342/QĐ - TTg ngày 05/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 03/7/2013 ban hành điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia)

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia có vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước. Trọng tâm của Quỹ là đổi mới công nghệ đối với các doanh nghiệp, trong đó Quỹ được sử dụng đến 50% vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các hình thức hỗ trợ lãi suất vay, cho vay ưu đãi, bảo lãnh để vay vốn; hỗ trợ đến 100% tổng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ, quyền đối với giống cây trồng, vật nuôi, thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ, sản phẩm mẫu để phân tích và giải mã công nghệ theo hợp đồng đã ký kết, tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ, thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài. Hỗ trợ từ 30-70% kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các dự án SX thử nghiệm (trong đó hỗ trợ đến 50% cho các dự án SX thử nghiệm thuộc lĩnh vực nông nghiệp; đến 70% cho các dự án SX thử nghiệm vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn); hỗ trợ đến 50% kinh phí dành cho lao động khoa học để hoàn thành sản xuất lô số không; đến 30% kinh phí mua vật tư, nguyên vật liệu để sản xuất lô số không (70% ở vùng khó khăn); hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí của các hợp đồng chuyển giao công nghệ...

Như vậy, cho đến thời điểm hiện nay hệ thống chính sách hoạt động khoa học và công nghệ (gồm 04 Luật, 06 Nghị định, 16 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) đã được ban hành và tạo được hành lang pháp lý thuận lợi khuyến khích doanh nghiệp nông nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

II. Thực trạng ứng dụng KH&CN, công nghệ cao trong doanh nghiệp nông nghiệp

KH&CN luôn được coi là giải pháp “then chốt” tạo đột phá về năng suất, chất lượng hàng nông sản và năng suất, hiệu quả lao động trong nông nghiệp. Bộ KH&CN khuyến khích cơ cấu các nhiệm vụ KH&CN theo hướng ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch; tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc như: sản xuất giống chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu, xây dựng các quy trình sản xuất tốt, quy chuẩn, tiêu chuẩn;... Nhiều tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến đã được xây dựng và chuyển giao cho sản xuất.

Đến năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã quy hoạch 22 Khu Nông nghiệp công nghệ cao; Bộ NN&PTNT đã công nhận 35 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các địa phương công nhận 03 Vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được địa phương công nhận gồm: vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Trung Sơn Kiên Giang sản xuất tôm thẻ chân trắng quy mô công nghiệp theo chuỗi giá trị từ nuôi đến chế biến và thương mại (tỉnh Kiên Giang); vùng sản xuất hoa ứng dụng công nghệ cao Thái Phiên (tỉnh Lâm Đồng); Vùng sản xuất giống thủy sản công nghệ cao xã Xuân Hải thị xã Sông Cầu tỉnh Phú Yên (tỉnh Phú Yên).

Hoạt động KH&CN trong các doanh nghiệp đã thu được nhiều thành tựu quan trọng, bên cạnh trực tiếp chủ trì các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các doanh nghiệp còn là địa chỉ tiếp nhận và triển khai có hiệu quả nhiều các kết quả nghiên cứu từ các tổ chức khoa học và công nghệ trong lĩnh vực. Một số ví dụ điển hình về doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ứng dụng công nghệ như sau:

1. Trong lĩnh vực trồng trọt, giống cây trồng

Tập đoàn Lộc Trời là doanh nghiệp tư nhân đầu tiên xây dựng chuỗi sản xuất lúa gạo từ nghiên cứu, ứng dụng đến chuyển giao và phối hợp với nông dân sản xuất. Hiện nay, mỗi năm Tập đoàn sản xuất được 45.000 tấn lúa giống cung cấp cho sản xuất. 05/2015, tại cuộc thi quốc tế, với 25 loại gạo ngon nhất của các công ty lúa gạo quốc tế, sản phẩm gạo “Hạt Ngọc Trời - Thiên Long”, từ giống lúa AGPPS103 của Lộc Trời đã vinh dự thắng giải TOP 3 gạo ngon nhất thế giới.. thành công của Tập đoàn đã mở ra cách tiếp cận mới, hình thành cánh đồng mẫu lớn trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm tạo hình ảnh mới đối với sản phẩm lúa gạo của Việt Nam.

Công ty Giống cây trồng Thái Bình, đã tổ chức nghiên cứu, lai tạo hàng ngàn cặp lai mới, thu thập và bảo tồn hàng ngàn vật liệu quý, khảo nghiệm hàng ngàn giống cây trồng mới từ khắp nơi trên thế giới và trong nước gửi đến. Đặc biệt đã được công nhận 9 giống cây trồng Quốc gia, gồm 5 giống lúa thuần (TBR-1, TBR36, TBR45, TBR225, BC15), ba giống lúa lai (Dru 527, CNR36, Thái Xuyên 111); giống lạc TB25 và mua bản quyền hai giống ngô VS36 và giống lúa OM8017... Những giống mới của công ty không những cho năng suất cao mà còn có thích ứng rộng, chất lượng tốt, sau khi công nhận đã nhanh chóng được đưa vào sản xuất đại trà góp phần thay đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu kinh tế nông nghiệp của nhiều địa phương

trong cả nước. Giá trị gia tăng từ những giống này mỗi năm mang lại cho nông dân cả nước hàng chục nghìn tỷ đồng góp phần tăng thu nhập và xóa đói giảm nghèo cho nông dân.

Tập đoàn Vingroup, năm 2016, hệ thống nhà kính VinEco Tam Đảo do Tập đoàn Vingroup đầu tư có diện tích 4,5ha, sử dụng công nghệ sản xuất rau mầm Microgreen được cung cấp duy nhất bởi công ty Teshuva Agricultural Projects (TAP) đến từ Israel. Nhờ hệ thống nhà kính trồng rau mầm, trồng rau bằng phương pháp thủy canh, VinEco không chỉ đáp ứng tốt nhu cầu rau sạch trong nước mà còn hướng tới mang thương hiệu nông sản sạch Việt gia nhập thị trường quốc tế. Hiện nay, tập đoàn đã và đang mở rộng diện tích gieo trồng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại các tỉnh Hà Nam, Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế.

Công ty TNHH Đà Lạt GAP, với hơn 15ha diện tích đất canh tác được trang bị hệ thống nhà kính hiện đại. Phương thức canh tác tiên tiến, áp dụng phương pháp trồng cây trên giá thể, bón phân, tưới nước được cài đặt qua hệ thống tự động. Hệ thống này sẽ kiểm soát lượng phân bón và pH nước tưới cho từng giai đoạn của cây trồng và ở các khu vực khác nhau. Đây là công nghệ mới, mang lại hiệu quả kinh tế cao và tiện lợi trong canh tác. Công việc ươm giống đã được cơ giới hóa từ khâu xây giá thể, nhồi giá thể vào vỉ, rửa vỉ và gieo hạt bằng máy... nên năng suất lao động tăng gấp 5 - 7 lần so với làm thủ công. Công ty đã xây dựng hoàn hảo quy trình trồng cà chua vô hạn, có thân dài trên 15m, năng suất trên 300 tấn/ha (gấp 5 lần phương pháp canh tác bình thường). Xây dựng hoàn chỉnh quy trình trồng ớt sừng ngọt (Bull's horn Capsicum) trên giá thể, năng suất 200 tấn/ha (sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản).

Công ty cổ phần CNSH Rừng hoa Đà Lạt, Công ty đã đầu tư hơn 100 tỷ đồng xây dựng hai nhà nuôi cấy mô với diện tích sử dụng gần 4000 m², năm 2013 Công ty đã sản xuất 24 triệu cây giống hoa cấy mô, trong đó chiếm tỷ lệ 70% xuất khẩu sang thị trường châu Âu.

Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn (Lasuco), ngoài việc sản xuất sản phẩm truyền thống là mía- đường, Công ty đã và đang triển khai trồng rau củ chất lượng cao trên diện tích 150 – 200 ha và sản xuất các loại giống cây ăn quả theo công nghệ sạch - Lê Văn Tam. Việc ứng dụng công nghệ cao trong trồng mía đã giúp doanh nghiệp tăng năng suất từ 45 tấn/ha lên 70 tấn/ha, cá biệt một số mô hình đạt 120 - 130 tấn/ha; góp phần gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Các dự án trồng cây ăn trái, rau củ quả chất lượng cao của Công ty cũng đang được triển khai và cho hiệu quả tốt.

2. Trong lĩnh vực thủy sản

Tập đoàn Việt Úc, đã đầu tư làm chủ công nghệ nuôi tôm siêu thâm canh theo công nghệ nhà màng của Israel. Công nghệ này cho phép thực hiện cơ giới hóa cao nhất đến các công đoạn sản xuất, đáp ứng đến mức tối đa việc kiểm soát các yếu tố từ bên ngoài như khí hậu, dịch hại từ bên ngoài xâm nhập. Với công nghệ trên: Mật độ nuôi từ 200–500 con/m², năng suất đạt từ 120-240 tấn/ha/năm, với năng suất này 1 ha nuôi tôm siêu thâm canh có thể bằng hàng chục ha nuôi theo mô hình công nghiệp, bán công nghiệp thông thường (năng suất thường chỉ đạt từ 10-15 tấn/ha).

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, đã nghiên cứu và ứng dụng các quy trình công nghệ ương nuôi cá tra, phòng bệnh, sản xuất thức ăn và các hệ thống cho ăn tự động giúp tăng hiệu quả trong quá trình sản xuất, góp phần giảm chi phí và tăng lợi nhuận.

Tập đoàn Sao Mai, đã triển khai mô hình “Hộ nuôi liên kết” thông qua phương thức: Tập đoàn Sao Mai đầu tư thức ăn và bao tiêu sản phẩm của người nuôi cá đạt hiệu quả cao. Kết quả của mô hình: các hộ nuôi liên kết với Sao Mai đạt lợi nhuận từ 1.000-2.000 đồng/kg nhờ mức khoán gia công từ 4.500-5.000 đồng/kg. Các hộ nuôi liên kết thu lợi nhuận từ 1-4 tỷ đồng/hộ.

Công ty TNHH CNSH Dược NanoGen, hiện cả khu nghiên cứu và sản xuất của NanoGen rộng 15 nghìn m² được xây dựng trong Khu CNC TP Hồ Chí Minh, sắp tới sẽ mở rộng thêm 10 nghìn m² nhà xưởng. Tổng đầu tư của NanoGen cho các phòng thí nghiệm và nhà xưởng đến nay là 50 triệu USD. Sản phẩm chính của Nanogen là thuốc sinh học được tạo ra trên nền của công nghệ gen. Đây là công ty đi tiên phong trong lĩnh vực này ở Việt Nam.

Công ty CNSH Nam Khoa, trong nhiều năm đã tập trung nghiên cứu, sản phẩm chính của Công ty Nam Khoa là Kit chẩn đoán, các nguyên vật liệu phục vụ thí nghiệm, sản phẩm phục vụ nuôi trồng thủy sản... Là công ty tư nhân đầu tiên đầu tư vào lĩnh vực này với vốn đầu tư lần 1 là 20 tỷ đồng (15 tỷ đồng cho thiết bị và 5 tỷ đồng cho xây dựng cơ sở hạ tầng). Năm 2013, Công ty này đã xây dựng thêm cơ sở 2 tại Khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh, với kinh phí xây dựng nhà xưởng khoảng 30 tỷ đồng, chưa kể trang thiết bị).

3. Trong lĩnh vực chăn nuôi

Cty TNHH giống gia cầm Minh Dư, với hơn 25 năm nghiên cứu, chọn lọc, nhân thuần và phát triển giống gà ta, hiện nay Minh Dư là một trong những doanh nghiệp gà lông màu lớn nhất Việt nam và đang là doanh nghiệp dẫn đầu về giống gà thả vườn. Hiện nay, Công ty đang sở hữu 04 trang trại nuôi gà và 02 nhà máy ấp nở gia cầm với trang thiết bị hiện đại theo công nghệ mới nhất. Hệ thống chuồng trại hiện đại được xây dựng theo quy chuẩn Quốc tế với kiểu chuồng nuôi kín an toàn sinh học được trang bị hệ thống làm mát kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, hệ thống cho ăn, uống tự động, hệ thống máy ấp và hệ thống kiểm soát dịch bệnh, kiểm tra chất lượng sản phẩm nên sản phẩm con giống của Công ty luôn đảm bảo và có độ tin cậy về chất lượng. Đặc biệt, năm 2017, ba tổ hợp lai các giống gà nội Minh Dư Bình Định (MD1-BD, MD2-BD, MB3-BD) đã được công nhận TBKT. Đây cũng là sản phẩm được người chăn nuôi, người tiêu dùng Việt nam ưa chuộng và có tiềm năng xuất khẩu sang một số quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á.

Công ty Cổ phần Ba Huân, đã đầu tư hơn 1.000 tỉ đồng cho quy trình công nghệ mới khép kín cho quả trứng từ trang trại đến bàn ăn, tạo thương hiệu trứng sạch Ba Huân nổi tiếng trên thị trường nhiều năm nay. Trong 5 năm liên tục, doanh thu công ty tăng trưởng 15%-20%/năm. Công ty đang phát triển thị trường trên cả nước, mở thêm mảng sản xuất thực phẩm chế biến và kế hoạch 2018 là sẽ tiếp tục mở rộng trang trại, nhà máy chế biến thực phẩm. Đồng thời, công ty hoàn tất các thủ tục để xuất khẩu trứng tươi thương hiệu Ba Huân sang một số thị trường trong ASEAN và châu Á.

Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp nông thôn (RTD) là công ty chuyên sản xuất, kinh doanh các mặt hàng liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp như: thức ăn chăn nuôi, vắc-xin, nuôi trồng thủy sản, thuốc Thú y, thực phẩm sạch. Năm 2012, Công ty đã đầu tư trên 200 tỷ đồng để xây dựng dây chuyền sản xuất vắc-xin hiện đại đạt tiêu chuẩn GMP tại cơ sở sản xuất ở Hưng Yên. Công ty đã tham gia nghiên cứu các sản phẩm vắc xin cho vật nuôi, hiện một số sản phẩm đang trong quá trình hoàn thiện.

Tập đoàn TH TrueMilk và Công ty Vinamilk. Đây là các doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp chế biến sữa với một hệ thống quản lý cao cấp, dây chuyền khép kín, đồng bộ theo tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay tất cả hệ thống chuồng trại chăn nuôi bò sữa tại các đơn vị này được đầu tư xây dựng theo công nghệ hiện đại nhất của thế giới, điển hình như: hệ thống cào phân tự động; hệ thống máng uống tự động; hệ thống quạt làm mát trong chuồng; các ô nằm nghỉ cho đàn bò được trang bị hệ thống chổi chải tự động và lót bằng đệm cao su nhập khẩu, đảm bảo chân móng của chúng luôn sạch sẽ và không bị nhiễm bệnh; mỗi con bò được đeo một con chip điện tử dưới cổ giúp kiểm tra lượng sữa chính xác của từng con và phát hiện được bò động dục và bò bệnh để bác sỹ thú y điều trị kịp thời. Các sản phẩm sữa của TH truemilk, Công ty Vinamilk không những đã chiếm lĩnh thị trường trong nước mà còn xuất khẩu được ra nhiều quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, Vinamilk đã khánh thành trang trại Vinamilk Organic tại Đà Lạt. Đó là trang trại bò sữa hữu cơ đầu tiên tại Việt Nam.

Công ty TNHH ĐTK Phú Thọ, là đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần ĐTK, vận hành Nhà máy sản xuất trứng gà sạch với quy mô hơn 42 ha và công nghệ được chuyển giao 100% từ Tập đoàn ISE Foods, Nhật Bản - Thương hiệu số 1 thế giới về trứng gà sạch có hơn 100 năm lịch sử hình thành và phát triển. Các sản phẩm trứng gà an toàn sinh học với công suất dự kiến 175 triệu quả/năm của Nhà máy ĐTK Phú Thọ (mô hình doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao) được đưa ra thị trường theo một quy trình hoàn toàn khép kín, kiểm soát chặt chẽ, tự động hóa từ khâu thức ăn, chăm sóc nuôi dưỡng, phân loại đóng gói sản phẩm và được phân phối đến hệ thống cửa hàng, siêu thị, nhà hàng, khách sạn... trong vòng 24 giờ bằng phương tiện vận chuyển chuyên dụng đảm bảo giữ nguyên chất lượng quả trứng. Đây là sản phẩm hứa hẹn sẽ trở thành sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam.

Tập đoàn DABACO Việt nam và Công ty Thái Dương, là những đơn vị hoạt động đa ngành nghề, trong đó, lĩnh vực chính là sản xuất thức ăn chăn nuôi, giống gia súc, gia cầm và chế biến thực phẩm với hệ thống các trang trại nuôi giữ, lai tạo giống lợn và gà có quy mô và công nghệ, kỹ thuật hiện đại bậc nhất cả nước. Các sản phẩm con giống lợn và gà của các Tập đoàn DABACO, Công ty Thái Dương được lựa chọn nguồn gen nhập khẩu từ các nước có giá trị di truyền giống tốt nhất trên thế giới và các nguồn gen bản địa như lợn Duroc, Piteran, Landat, Yorshire (Thái Dương, Dabaco); Gà Ji-DABACO, Gà Sơn Tinh (Dabaco).

Bên cạnh đó, Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi” (Viết tắt là Chương trình nông thôn miền núi), với nội dung chủ yếu là tiếp nhận chuyển giao công nghệ; xây dựng mô hình phát triển sản phẩm quy mô lớn để thương mại hóa sản phẩm và đào tạo tập huấn nâng cao năng lực tổ chức, cá nhân sản xuất. Trong đó, đơn vị chuyển giao công nghệ là các đơn vị nghiên cứu, đào tạo nắm giữ công nghệ, đơn vị tiếp nhận công nghệ để ứng dụng sản xuất sản phẩm quy mô lớn chủ yếu là các doanh nghiệp (hơn 80% các đơn vị chủ trì dự án là các doanh nghiệp, tỷ lệ còn lại là các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ (về thu chi tài chính) và các hợp tác xã nông nghiệp. Sau 15 năm triển khai, Chương trình đã thực hiện 845 dự án tại 62 tỉnh, thành phố với tổng kinh phí là 2.745.938 triệu đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KH&CN Trung ương là 1.081.181 triệu đồng (chiếm 39,4%) và huy động từ dân, doanh nghiệp, ngân sách địa phương là 1.664.758 triệu đồng (chiếm 60,6 %). Thông qua Chương trình đã chuyển giao được 4.761 lượt công nghệ cho các doanh nghiệp vào sản xuất, đào tạo 11.063 kỹ thuật viên cơ sở, đào tạo ngắn hạn cho trên 1.725 cán bộ quản lý KH&CN ở địa phương, tập huấn cho 236.264 lượt sản xuất. Đã sử dụng khoảng 128.643 lao động tại chỗ giúp các địa phương góp phần giải quyết được tình trạng lao động dôi dư và tăng thu

nhập cho nông dân. Chương trình nông thôn miền núi thể hiện rõ sự tham gia của doanh nghiệp trong ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Như vậy, có thể khẳng định với chính sách khuyến khích của Chính phủ trong phát triển khoa học và công nghệ đối với các doanh nghiệp nông nghiệp nông thôn. Mặc dù số lượng còn rất khiêm tốn, nhưng đã từng bước góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thông qua các hoạt động KH&CN năng lực của các doanh nghiệp đã được nâng cao, doanh nghiệp đã chủ động được công nghệ, tạo ra được sản phẩm mới có chất lượng, giá thành cạnh tranh mang lại hiệu quả kinh tế. Bên cạnh đó, hoạt động KH&CN trong doanh nghiệp đã góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ, tạo sự gắn kết giữa Doanh nghiệp, Viện nghiên cứu và Trường đại học trong hoạt động nghiên cứu.. Điều này một lần nữa khẳng định vai trò động lực quan trọng của KH&CN đối với sự phát triển của doanh nghiệp nông nghiệp trong thời gian qua.

III. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách khoa KH&CN khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp

Thời gian qua, hệ thống chính sách về KH&CN tiếp tục được hoàn thiện theo hướng gắn kết và phục vụ trực tiếp cho việc nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh, chuyển giao, đổi mới công nghệ; hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường KH&CN.

Các chính sách hỗ trợ về KH&CN là những động lực đặc biệt quan trọng trong tăng trưởng nông nghiệp; các tiến bộ KH&CN đã đóng góp khoảng 30-40% vào tăng trưởng nông nghiệp. Các kết quả KH&CN đã được ứng dụng trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp từ nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi; kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, canh tác; thức ăn chăn nuôi; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; kỹ thuật chế biến và bảo quản sau thu hoạch. Trong đó, quan trọng nhất là khâu chọn tạo giống mới cây trồng, vật nuôi theo hướng tăng năng suất, nâng cao chất lượng thay thế giống nhập nội. Các kết quả KH&CN được ứng dụng trong nông nghiệp đã giúp Việt Nam trở thành một trong những quốc gia dẫn đầu về xuất khẩu nông, lâm nghiệp.

Tuy nhiên, trong thời gian qua số lượng doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn hiện còn rất khiêm tốn. Tính chung cả nước chỉ có khoảng 1% tổng số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Tại Hội thảo sửa đổi Nghị định thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trực tiếp và nông nghiệp nông thôn tổ chức tháng 5/2017. Đại diện các doanh nghiệp đã chỉ rõ một số khó khăn vướng mắc trong đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn như sau:

- Khó khăn trong việc tích tụ ruộng đất và chính sách dồn điền đổi thửa, tạo lập một thị trường chuyển nhượng đất đai khi triển khai còn lúng túng. Vì vậy, doanh nghiệp không có diện tích đất đủ lớn để đầu tư sản xuất - kinh doanh.

- Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp nông nghiệp còn thấp, chưa đủ sức hấp dẫn đầu tư cũng như chưa bảo vệ được doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam trước sức cạnh tranh của doanh nghiệp nước ngoài. Nông nghiệp là một trong những ngành xuất siêu nhiều nhất, mang lại giá trị nhiều nhất, song chính sách hỗ trợ lại hầu như ít nhất. Theo số liệu thống kê của Tổ chức

Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), mức hỗ trợ nông nghiệp ở nước ta hiện nay chỉ chiếm 7%, chủ yếu qua hệ thống khuyến nông và cắt giảm một số loại phí, trong khi đó, ở một số nước khác như Nhật Bản, Hàn Quốc có mức hỗ trợ lên tới 55-60%.

- Doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và hộ nông dân vẫn còn khó tiếp cận nguồn vốn cho nhu cầu đầu tư. Theo báo cáo của ngành Ngân hàng, đến cuối tháng 6/2016, tổng dư nợ tín dụng nông nghiệp nông thôn ước đạt 886 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 18% tổng dư nợ nền kinh tế; gói tín dụng 100.000 tỷ đồng cho vay ứng dụng công nghệ cao đến nay chỉ đạt 26.000 tỷ đồng...

- Thị trường nông nghiệp không ổn định. Hiện nay, đại đa số hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa chưa thể đầu tư lớn vào nông nghiệp do chưa tham gia được vào các chuỗi giá trị của những tập đoàn, doanh nghiệp lớn. Số liệu thống kê cho thấy, tham gia vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu Việt Nam hiện mới có khoảng 21%, trong khi Thái Lan là 36%, Malaysia là 45%. Vì vậy, những rủi ro về thị trường, sự phá vỡ hợp đồng giữa doanh nghiệp với nông dân vẫn thường xuyên xảy ra, gây tâm lý sợ hãi không dám đầu tư. Mọi quan hệ hợp đồng giữa nông dân và doanh nghiệp chưa đủ ràng buộc trách nhiệm;

- Chính sách bảo hiểm nông nghiệp chưa được quan tâm phát triển đúng mức. Mức độ rủi ro khi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp hiện nay là rất lớn, việc không có cơ chế bảo hiểm, ngân hàng sẽ khó có thể mạo hiểm cho doanh nghiệp vay vốn đầu tư...

- KH&CN chưa phát huy hết vai trò; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại vào sản xuất, chế biến, bảo quản còn hạn chế.

IV. Giải pháp

Trong khuôn khổ phạm vi quản lý ngành, Bộ KH&CN tiếp tục phối hợp với các bộ ngành liên quan, rà soát, xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn, nhằm khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng KH&CN vào phát triển nông nghiệp nông thôn, cụ thể:

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ NN&PTNT, các Bộ ngành và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đẩy mạnh đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình nông thôn miền núi, nhằm thu hút, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, làm chủ công nghệ mới sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản quy mô lớn.

- Đẩy mạnh thực hiện các Chương trình KH&CN quốc gia, gắn kết nhà quản lý, doanh nghiệp, nhà khoa học, người sản xuất, ngân hàng, và thị trường tiêu thụ, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị./.